

**UBND HUYỆN ĐẠI TỪ
PHÒNG TÀI CHÍNH-KH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 63 /TCKH-QLNS
V/v triển khai thực hiện Nghị
quyết số 21/2022/NQ-HĐND
ngày 28/10/2022.

Đại Từ, ngày 20 tháng 3 năm 2023

Kính gửi:

- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện;
- UBND các xã, thị trấn.

Căn cứ Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ từ nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh, phòng Tài chính – Kế hoạch huyện đề nghị các cơ quan đơn vị, UBND các xã, thị trấn căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động nghiên cứu và triển khai thực hiện Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ từ nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

(Có Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND tỉnh Thái Nguyên kèm theo)

Nhận được Công văn này đề nghị các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Thị Mai Hương

NGHỊ QUYẾT

Ban hành quy định một số nội dung, mức hỗ trợ từ nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHÓA XIV, KỶ HỌP THỨ CHÍN (KỶ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 04 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Thực hiện Quyết định số 801/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030;

Thực hiện Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 147/TTr-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số nội dung, mức hỗ trợ từ nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ từ nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ chín (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 28 tháng 10 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 28 tháng 10 năm 2022. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Báo cáo);
- Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (Báo cáo);
- Ủy ban Dân tộc (Báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp (Kiểm tra);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIV;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Kiểm toán nhà nước Khu vực X;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Thái Nguyên, Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH



Ký bởi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên
Email: hddntinh@thainguyen.gov.vn
Cơ quan: Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên
Ngày ký: 28-10-2022 10:05:37 +07:00

Phạm Hoàng Sơn

QUY ĐỊNH

**Một số nội dung, mức hỗ trợ từ nguồn vốn sự nghiệp thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới
giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**
(Kèm theo Nghị quyết số *LA* /2022/NQ-HĐND ngày 28 tháng 10 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định này quy định một số nội dung, mức hỗ trợ từ nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

b) Trong cùng một thời gian, cùng một nội dung mà có nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác nhau của Trung ương và địa phương (kể cả các chương trình, đề án, dự án khác) thì đối tượng thụ hưởng chỉ được lựa chọn áp dụng một chính sách ưu đãi, hỗ trợ.

2. Đối tượng áp dụng

Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng, quyết toán và thụ hưởng nguồn vốn hỗ trợ thực hiện Chương trình.

Điều 2. Chi hỗ trợ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước

Mức hỗ trợ 40% chi phí đầu tư cho một dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không quá 20 triệu đồng/ha chè, cây ăn quả với quy mô tối thiểu 02 ha; 30 triệu đồng/ha rau, hoa với quy mô tối thiểu 0,5 ha.

Điều 3. Chi mua sắm thiết bị đài truyền thanh xã

Hỗ trợ 100% chi phí mua sắm đài truyền thanh xã, trong đó: Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị đài truyền thanh và cụm loa tại trung tâm xã không quá 70 triệu đồng/xã, hỗ trợ mua sắm cụm loa truyền thanh cho 01 xóm (thôn) không quá 30 triệu đồng/xóm.

Điều 4. Chi hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp xóm (thôn)

1. Đối với mô hình quy mô hộ gia đình: Hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện mô hình được phê duyệt đối với các huyện miền núi nhưng không quá 15 triệu đồng/mô hình; 50% kinh phí thực hiện mô hình được phê duyệt đối với các huyện còn lại nhưng không quá 10 triệu đồng/mô hình.

2. Đối với mô hình quy mô cấp xóm (thôn): Hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện mô hình được phê duyệt đối với các huyện miền núi nhưng không quá 1.000 triệu đồng/mô hình; 50% kinh phí thực hiện mô hình được phê duyệt đối với các huyện còn lại nhưng không quá 750 triệu đồng/mô hình.

Điều 5. Chi hỗ trợ xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp

1. Hỗ trợ 100% chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng, ứng dụng công nghệ thông tin trong việc cấp, quản lý mã số vùng trồng cho các cá nhân, tổ chức. Ưu tiên cấp mã vùng trồng cho vùng sản xuất đã được đánh giá chứng nhận vùng trồng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) và nông nghiệp hữu cơ

a) Chi hỗ trợ gắn mã vùng trồng không quá 25 triệu đồng/vùng trồng chưa được gắn mã số.

b) Chi quản lý, giám sát vùng trồng đã được gắn mã số không quá 15 triệu đồng/vùng trồng đã được gắn mã số. Hỗ trợ không quá 02 năm liên tiếp.

2. Chi hỗ trợ truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh: Mức hỗ trợ 100% chi phí, nhưng không quá 10 triệu đồng/sản phẩm.

Điều 6. Chi hỗ trợ các dự án liên kết, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp

Thực hiện theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác; cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 7. Chi hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại

1. Nội dung hỗ trợ

a) Hỗ trợ cơ giới hóa: Hỗ trợ máy móc, thiết bị ở các khâu làm đất; gieo, trồng; xử lý thực bì; tưới, tiêu chủ động; chăm sóc; khai thác, thu hoạch; cung cấp thức ăn, nước uống; điều tiết khí hậu chuồng nuôi; vệ sinh chuồng trại; xử lý chất thải chăn nuôi. Hỗ trợ dây chuyền sản xuất, hệ thống sấy, kho lạnh,... để phục vụ chế biến nông sản và bảo quản nông sản.

b) Hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại: Hỗ trợ sản xuất giống và ứng dụng các giống cây trồng, vật nuôi mới có năng suất và chất lượng tốt, tập trung vào cây trồng, vật nuôi chủ lực của tỉnh, sản phẩm thế mạnh của địa phương. Sản xuất và ứng dụng các chế phẩm sinh học, các bộ kit chuẩn đoán bệnh, các loại phân bón thế hệ mới; ứng dụng công nghệ viễn thám, hệ thống thông tin địa lý, hệ thống định vị toàn cầu trong quản lý và bảo vệ rừng.

2. Mức hỗ trợ: 50% kinh phí cho 01 cơ sở, tổ chức, cá nhân theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhưng không quá 500 triệu đồng/dự án.

Điều 8. Chi bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn

1. Phát huy vai trò của nghệ nhân, thợ giỏi

a) Hỗ trợ 100% kinh phí tập huấn nâng cao tay nghề, nghiệp vụ sư phạm nghề cho các nghệ nhân, thợ giỏi.

b) Hỗ trợ các lớp truyền nghề, các khóa truyền nghề:

Các lớp truyền nghề do cơ sở ngành nghề nông thôn trực tiếp tổ chức: Hỗ trợ 80% chi phí nhưng không quá 25 triệu đồng/lớp;

Các khóa truyền nghề theo hình thức kèm cặp nghề, truyền nghề do nghệ nhân cấp tỉnh tổ chức: 25 triệu đồng/khóa truyền nghề (trong đó: Thù lao giảng viên 80.000 đồng/giờ nhưng không quá 640.000 đồng/ngày).

Các khóa truyền nghề theo hình thức kèm cặp nghề, truyền nghề do thợ thủ công tổ chức: 15 triệu đồng/khóa truyền nghề (trong đó: Thù lao giảng viên 50.000 đồng/giờ nhưng không quá 400.000 đồng/ngày).

2. Bảo tồn và phát triển nghề truyền thống, làng nghề truyền thống

a) Tổ chức các hội thi sản phẩm làng nghề, hội thi tay nghề góp phần bảo tồn, khôi phục, quảng bá nghề và vinh danh các nghệ nhân trong làng nghề. Mức hỗ trợ 100% chi phí thuê mặt bằng trình diễn sản phẩm; tổ chức hội thi, ăn nghỉ, đi lại.

b) Xúc tiến thương mại

Chi hỗ trợ thuê tư vấn, hỗ trợ trực tiếp cho các cơ sở ngành nghề nông thôn các nội dung: Xây dựng trang thông tin điện tử giới thiệu sản phẩm, bán hàng trực tuyến; thiết kế mẫu mã sản phẩm, bao bì đóng gói; xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý xuất xứ hàng hóa, bảo hộ sở hữu thương hiệu. Mức hỗ trợ 50% chi phí nhưng không quá 50 triệu đồng/cơ sở.

c) Chi phát triển nghề truyền thống, làng nghề truyền thống

Nội dung chi hỗ trợ dự án: Mua nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất; thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo dự án; tập huấn cho người tham gia dự án, tổng kết dự án; quản lý dự án. Mức hỗ trợ 50% kinh phí cho các dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không quá 500 triệu đồng/dự án.

3. Phát triển làng nghề gắn với du lịch và xây dựng nông thôn mới: Xây dựng dự án khôi phục, bảo tồn, phát triển làng nghề; dự án phát triển làng nghề gắn với du lịch và xây dựng nông thôn mới. Mức hỗ trợ 50% kinh phí cho các dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không quá 500 triệu đồng/dự án.

4. Phát triển các làng nghề mới đảm bảo các giá trị văn hóa truyền thống, thân thiện với môi trường và phát triển bền vững.

Hỗ trợ di dời cơ sở, hộ gia đình sản xuất ra khỏi làng nghề và chuyển đổi ngành, nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề theo quy định. Xử lý ô nhiễm môi trường tại các khu vực đã bị ô nhiễm sau khi di dời hoặc chấm dứt hoạt động. Mức hỗ trợ 50% chi phí nhưng không quá 30 triệu đồng/cơ sở.

Điều 9. Chi hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền

1. Hỗ trợ sửa chữa, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho cơ sở lưu trú và các công trình dịch vụ; cải tạo cảnh quan và môi trường, lắp đặt biển chỉ dẫn, biển quảng bá điểm du lịch đối với các dự án. Mức hỗ trợ 80% kinh phí cho các dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không quá 600 triệu đồng/dự án.

2. Hỗ trợ hoạt động bảo tồn, phục dựng và phát triển các làng nghề, ẩm thực, trang phục truyền thống và hoạt động nông nghiệp, loại hình biểu diễn văn hóa, thể thao; phát triển các nghệ nhân; phục dựng mô hình sản xuất các sản phẩm đặc sản, truyền thống; bảo tồn và phát huy các không gian văn hóa, di tích văn hoá, lịch sử, cách mạng phục vụ phát triển du lịch

a) Hỗ trợ thành lập, duy trì hoạt động Câu lạc bộ (Đội văn nghệ) thực hiện bảo tồn, phát huy các loại hình nghệ thuật truyền thống. Mức hỗ trợ 100% kinh phí nhưng không quá 60 triệu đồng/01 đội/Câu lạc bộ (Đội văn nghệ).

b) Hỗ trợ Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng, truyền dạy những người kế cận. Mức hỗ trợ: Nghệ nhân nhân dân 1.000.000 đồng/ngày; Nghệ nhân ưu tú: 800.000 đồng/ngày. Số ngày hỗ trợ theo quyết định của cơ quan được giao nhiệm vụ.

c) Hỗ trợ bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa: 300 triệu đồng/01 di sản.

3. Hỗ trợ phát triển các sản phẩm, dịch vụ phục vụ khách du lịch: Mức hỗ trợ 100% kinh phí nhưng không quá 50 triệu đồng/01 sản phẩm.

4. Hỗ trợ nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động và quản lý các điểm đến:

a) Xây dựng phần mềm quản lý điểm du lịch. Mức hỗ trợ 100% kinh phí nhưng không quá 50 triệu đồng/01 điểm du lịch.

b) Lắp đặt hệ thống camera an ninh. Mức hỗ trợ 100% kinh phí nhưng không quá 30 triệu đồng/01 điểm du lịch.

5. Hỗ trợ xây dựng và số hóa thông tin, tài liệu thuyết minh về các di tích văn hóa, lịch sử, điểm du lịch nông thôn, làng nghề truyền thống, sản phẩm OCOP gắn với phát triển du lịch nông thôn

a) Xây dựng chuyên trang điện tử về điểm du lịch nông thôn. Mức hỗ trợ 100% kinh phí nhưng không quá 100 triệu đồng/01 điểm du lịch.

b) Số hóa các thông tin, tài liệu về điểm du lịch nông thôn. Mức hỗ trợ 100% kinh phí nhưng không quá 150 triệu đồng/01 điểm du lịch.

Điều 10. Chi nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở

1. Chi mua sắm các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao tại các thiết chế văn hóa, thể thao các cấp phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của địa phương. Mức hỗ trợ theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và tối đa

- a) Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh: 1.000 triệu đồng/thiết chế.
- b) Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp huyện: 500 triệu đồng/thiết chế.
- c) Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã: 80 triệu đồng/thiết chế.
- d) Nhà văn hóa - Khu thể thao xóm (thôn): 50 triệu đồng/thiết chế.

2. Chi hỗ trợ xây dựng tủ sách cho Thư viện cấp huyện; tủ sách cho Trung tâm Văn hóa, Thể thao cấp xã, Nhà Văn hóa - Khu thể thao xóm (thôn). Mức hỗ trợ theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và tối đa

- a) Thư viện, tủ sách tại Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp huyện: 100 triệu đồng/01 tủ sách.
- b) Thư viện, tủ sách xã: 50 triệu đồng/01 tủ sách.
- c) Tủ sách xóm (thôn): 30 triệu đồng/tủ sách.

3. Chi hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với thiết chế văn hóa, thể thao xã, xóm (thôn) và hỗ trợ kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã, xóm (thôn). Mức hỗ trợ tối đa:

- a) Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã: Kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã là 50 triệu đồng/01 năm.
- b) Nhà văn hóa - Khu thể thao xóm (thôn): Kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xóm (thôn) là 30 triệu đồng/01 năm.

Điều 11. Chi triển khai Phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; xây dựng các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự” và “5 cùng”

1. Chi tổ chức các hoạt động hỗ trợ xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Chi hội, Tổ hội nghề nghiệp theo hướng dẫn của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam.

2. Mức hỗ trợ 100% chi phí, nhưng không quá 30 triệu đồng/mô hình.

Điều 12. Chi hỗ trợ xây dựng và nhân rộng các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn

Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Điều 4 của Quy định này.

Điều 13. Xây dựng các mô hình điểm và nhân rộng các mô hình sẵn có nhằm vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam; thực hiện Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”

Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 11 của Quy định này./.